

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 866/TCHQ-PCXL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 1992

THÔNG TƯ
CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 232/HĐBT của

Hội đồng Bộ trưởng quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về Hải quan

Thi hành Nghị định số 232/HĐBT ngày 25-6-1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về Hải quan, Tổng cục Hải quan hướng dẫn việc thực hiện như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về Hải quan là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm các quy định quản lý Nhà nước về Hải quan mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định số 232/HĐBT ngày 25-6-1992 của Hội đồng Bộ trưởng.
- Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về hải quan là tổ chức, cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài có hành vi vi phạm các quy định quản lý Nhà nước về Hải quan.
- Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về Hải quan áp dụng theo điều 6 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính.

Các cấp Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng quy định tại điều 7 và điều 8 của Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính để quyết định hình thức và mức xử phạt đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Căn cứ pháp lý để quyết định hình thức và mức xử phạt vi phạm hành chính về Hải quan:

Pháp lệnh Hải quan và các văn bản quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Hải quan;

Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính;

Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;

Nghị định số 232/HĐBT ngày 25-6-1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về Hải quan;

Các quy chế quản lý Nhà nước khác về xuất nhập khẩu hàng hoá, hành lý, ngoại hối, bưu phẩm, bưu kiện, tài sản, đồ vật khác và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, mượn đường đang còn hiệu lực thi hành.

II. CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ CÁC BIỆN PHÁP

HÀNH CHÍNH KHÁC

A. CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT

a. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính về Hải quan phải chịu một trong các hình thức xử phạt sau đây:

Cảnh cáo;

Phạt tiền.

Hình thức phạt cảnh cáo chỉ áp dụng với cá nhân, không áp dụng với tổ chức có vi phạm hành chính.

b. Ngoài hình thức phạt chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính về Hải quan còn có thể phải chịu hình thức phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, thu hồi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu có thời hạn hoặc không có thời hạn.

Ngoài hai hình thức xử phạt quy định trên, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính về Hải quan còn bị buộc tiêu huỷ các văn hoá phẩm phản động, đồi trụy, hàng giả, vật phẩm gây nguy hại cho sức khoẻ con người.

Khi áp dụng biện pháp tiêu hủy tang vật, phải lập biên bản tiêu hủy với sự chứng kiến của đại diện cơ quan chức năng liên quan.

B. HÀNH VI VI PHẠM VÀ MỨC XỬ PHẠT:

Căn cứ vào Điều 1 của Nghị định thì các vi phạm hành chính phải chịu các hình thức và mức xử phạt như sau:

1. Vi phạm thủ tục Hải quan quy định tại khoản 1 điều 1:

Sau khi đã được cán bộ hải quan hướng dẫn làm thủ tục hải quan mà đương sự không thực hiện đúng nghĩa vụ hoặc có hành vi gây cản trở việc xuất trình hoặc nộp các giấy tờ về hồ sơ hải quan được quy định tại Nghị định số 171/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng thì xử phạt như sau:

Vi phạm lần đầu thì phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ trên 20.000 đồng đến 50.000 đồng;

Nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt từ trên 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

2. Vi phạm chế độ kiểm tra, giám sát hải quan quy định tại khoản 2, 3, 4, 5, 6 của điều 1:

a. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 2:

Phạt tiền 50.000 đồng đối với vi phạm lần đầu quy định tại điểm a mà không có dụng ý thêm, bớt hoặc đánh tráo và các điểm b, c, d, e khi đương sự cố tình từ chối yêu cầu xuất trình hoặc kiểm tra của Hải quan đối với các đối tượng chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan;

Phạt tiền từ trên 50.000 đồng đến 80.000 đồng với vi phạm lần thứ 2;

Phạt tiền từ trên 80.000 đồng đến 100.000 đồng nếu có tình tiết tăng nặng.

b. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 3:

b.1. Chủ hàng hoá, phương tiện vận chuyển hoặc người đại diện vi phạm quy định tại điểm a cố tình tẩy xóa, sửa chữa làm sai nội dung thực của giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, tờ khai hải quan hoặc giấy tờ khác liên quan đến việc làm thủ tục hải quan, nhằm mục đích tư lợi thì xử phạt như sau:

Vi phạm lần đầu phạt tiền 100.000 đồng;

Vi phạm lần 2 phạt tiền từ trên 100.000 đồng đến 150.000 đồng;

Nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền từ trên 150.000 đồng đến 200.000 đồng và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể áp dụng biện pháp phạt bổ sung, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, thu hồi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu có thời hạn hoặc không có thời hạn.

b.2. Vận chuyển hàng hoá, hành lý, bưu phẩm, bưu kiện, quá cảnh, mượn đường Việt Nam mà không có giấy phép của Bộ Thương mại cấp (quá cảnh), giấy phép do Tổng cục Hải quan cấp (mượn đường) và các giấy tờ liên quan khác do cơ quan chức năng Nhà nước Việt Nam cấp theo quy định của pháp luật thì xử phạt như sau:

Vi phạm lần đầu phạt tiền 100.000 đồng;

Vi phạm lần 2 phạt tiền từ trên 100.000 đồng đến 150.000 đồng;

Nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền từ trên 150.000 đồng đến 200.000 đồng.

Ngoài hình thức phạt tiền trên, còn buộc chủ hàng, chủ phương tiện phải chấp hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 4:

Vi phạm lần đầu và không có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền 200.000 đồng;

Vi phạm lần thứ 2 phạt tiền từ trên 200.000 đồng đến 300.000 đồng;

Nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền từ trên 300.000 đồng đến 500.000 đồng.

Tổng cục Hải quan sẽ có Thông tư hướng dẫn việc đăng ký và cấp giấy phép đối với tàu, thuyền vận chuyển hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chưa hoàn thành thủ tục hải quan khi di chuyển trong nội thủy và lãnh hải Việt Nam.

d. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 5:

Vi phạm lần đầu có tình tiết giảm nhẹ thì phạt tiền 500.000 đồng;

Vi phạm lần thứ 2 thì phạt tiền từ trên 500.000 đồng đến 800.000 đồng;

Nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền từ trên 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng và có thể áp dụng hình thức phạt bổ sung, tịch thu tang vật và phương tiện vi phạm, thu hồi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu có thời hạn hoặc không có thời hạn.

Trường hợp hàng xuất khẩu, nhập khẩu không đúng với nội dung của giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoặc hàng thừa so với giấy phép thì xử lý theo hướng dẫn tại khoản 5 nói trên.

Đối với chủ phương tiện vận tải tạm nhập mà không tái xuất, tạm xuất mà không tái nhập hoặc tái xuất, tái nhập không đúng nội dung ghi trên giấy phép, sẽ áp dụng xử phạt theo điểm c khoản 5 Điều 1 Nghị định 232/HĐBT. Nếu lợi dụng quy định tạm nhập, tái xuất để buôn bán trục lợi thì tùy theo tính chất hành vi vi phạm mà áp dụng mức xử phạt theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 1 Nghị định 232/HĐBT.

e. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 6:

e.1. Vi phạm quy định tại các điểm a, c, d, e, g và điểm b (nếu tang vật và tiền Việt Nam) thì xử phạt như sau:

Vi phạm lần đầu, phạt tiền 1.000.000 đồng;

Vi phạm lần thứ 2, phạt tiền từ trên 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng;

Nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền từ trên 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

e.2. Vi phạm quy định tại điểm b khoản 6 điều 1 Nghị định thì tùy theo tính chất, mức độ, số lượng ngoại hối vi phạm (ngoài số ngoại hối xuất nhập khẩu không phải khai báo) mà áp dụng các mức phạt sau:

e.2.a. Đối với ngoại hối nhập khẩu:

Vi phạm lần đầu và không có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền tương đương bằng 2% số ngoại hối vi phạm;

Vi phạm lần thứ 2 và không có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền tương đương bằng 10% số ngoại hối vi phạm;

Nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền tương đương tối đa bằng 50% số ngoại hối vi phạm.

e.2.b. Đối với ngoại hối xuất khẩu:

Vi phạm lần đầu và không có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền tương đương bằng 30% số ngoại hối vi phạm;

Vi phạm lần thứ 2 và không có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền tương đương bằng 50% số ngoại hối vi phạm;

Nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền tương đương bằng 80% đến 1 lần trị giá số ngoại hối vi phạm.

Đối với mức xử phạt quy định tại điểm e trên, ngoài mức phạt tiền ra, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả xảy ra mà áp dụng hình thức phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hoặc thu hồi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu có thời hạn hoặc không có thời hạn.

Điểm g, khoản 6 điều 1 Nghị định 232/HĐBT được áp dụng để xử phạt những trường hợp tàu nhập cảnh trái cảng mà không có lý do xác đáng.

3. Đối với các vi phạm quy định tại khoản 8 mà tính chất của hành vi chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, thì xử phạt như sau: